TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 31/12/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Sinh.

Ông Hoàng Sĩ Thạo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Diệp Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. *Bị đơn:*

- Bà Trần Thị Thúy L, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, không lý do).

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: vào tháng 02/2018 (âm lịch) do bà T không nhớ rõ thời gian, bà đồng ý cho bà Trần Thị Thúy L vay số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó, bà vẫn không nhớ được thời gian, bà tiếp tục cho bà L vay nhiều lần, nhưng mỗi lần số tiền bao nhiêu bà cũng không nhớ cụ thể. Bà nhớ sau nhiều lần cho vay, bà L đã vay của bà tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Do lúc này, tin tưởng phía bà L nên bà không có

làm biên nhận hay giấy tờ gì về việc giao nhận tiền. Lãi suất thỏa thuận miệng, cứ 10.000.000 đồng bà L phải đóng lãi cho bà T số tiền 800.000 đồng. Sau khi vay, bà L có đóng lãi cho bà T, nhưng bà không nhớ cụ thể bao nhiêu tiền và đóng được bao nhiêu lần. Đến ngày 19/11/2018, sau nhiều lần bà yêu cầu bà L đóng lãi cho bà, nhưng bà L không thực hiện nên bà đã thỏa thuận với bà L là hai bên sẽ làm biên nhận vay tiền. Do đó, bà đã lập tờ giấy biên nhận ngày 19/11/2018 đến gặp bà L và yêu cầu bà L ký tên để thừa nhận có vay của bà của số tiền là 130.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu bà L và ông Nguyễn Văn D trả số tiền 130.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 19/02/2019 đến ngày 19/02/2021 là 24 tháng x 130.000.000 đồng x1,66% = 51.792.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày số tiền vốn gốc mà bà cho bà L vay chỉ có 90.000.000 đồng, lý do biên nhận ngày 19/11/2018 ghi 130.000.000 đồng là do lúc này bà L còn nợ bà số tiền lãi chưa đóng là 40.000.000 đồng (theo mức lãi suất 8%/tháng) nên bà L đồng ý cộng số tiền lãi này vào vốn gốc 90.000.000 đồng và lập thành tờ biên nhận bà L thiếu bà T số tiền vốn là 130.000.000 đồng nêu trên. Ngoài ra, theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà L và ông D cùng trả nợ cho bà, nhưng bà nhận thấy ông D không liên quan nên bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông D. Về phía bà L, bà yêu cầu bà L trả số tiền 130.000.000 đồng. Về phần tiền lãi yêu cầu bà L trả lãi đối với số tiền vốn gốc 90.000.000 đồng từ ngày 19/11/2018 đến khi kết thúc vụ án theo mức lãi suất là 1.66%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2021, bị đơn bà Trần Thị Thúy L trình bày: Bà và bà T có mối quan hệ là bạn bè. Bà L không nhớ được thời gian cụ thể là vào ngày, tháng, năm nào, nhưng bà thừa nhận có vay tiền của bà T 03 lần, cụ thể: lần thứ nhất, bà vay số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ hai số tiền 20.000.000 đồng, lần thứ ba số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L có nhờ bà T đứng ra trả thay số tiền 20.000.000 đồng cho bà Năm N (bà L không rõ họ và tên lót), địa chỉ ấp A, xã B, thị xã D. Do đó, bà Linh thừa nhận có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận cứ 10.000.000 triệu thì mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi vay, bà có đóng lãi cho bà T, nhưng đóng được bao nhiêu lần với số tiền lãi bao nhiêu thì bà không nhớ. Thời gian bà ngừng đóng lãi cho bà T bà cũng không nhớ rõ và trình bày là hơn 01 năm. Mục đích bà vay tiền để phục vụ cho việc nuôi tôm của gia đình. Tuy nhiên, bà cho rằng việc bà vay tiền của bà T, ông D không hay biết và bà cũng không có bàn bạc với ông D nên bà sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T mà không yêu cầu ông D cùng chịu trách nhiệm liên đới. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tbà L chỉ chấp nhận trả cho bà T số tiền 60.000.000 đồng và thống nhất trả lãi theo lãi suất của Nhà nước quy định. Đối với tờ giấy biên nhận ngày 19/11/2018 có nội dung nội dung bắt đầu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" và kết thúc bằng "Dững" bà L không thừa nhận, vì bà cho rằng bà có ký tên vào một tờ giấy do bà T đưa cho ký, nhưng nội dung là bà thiếu bà T số tiền 60.000.000 đồng, không phải số tiền 130.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn D đều vắng mặt không lý do, ông D không gửi bất cứ văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án tiến hành

đến nơi cư trú của ông để lấy lời khai thì ông D không hợp tác nên Tòa án không thể làm việc được với ông D.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T yêu cầu bà Trần Thị Thúy L trả số tiền vốn 130.000.000 đồng và yêu cầu bà L trả lãi đối với số tiền vốn gốc 90.000.000 đồng từ ngày Tòa án nhận đơn, tức vào ngày 17/3/2021 theo giấy xác nhận đã nhận đơn đến khi kết thúc vụ án theo mức lãi suất là 1.66%/tháng (tức 20%/năm).

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Thúy L vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 463; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án giải quyết vụ án như sau:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T. Buộc bà Trần Thị Thúy L trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 17/3/2021 theo giấy xác nhận đã nhận đơn đến khi kết thúc vụ án theo mức lãi suất là 1.66%/tháng (tức 20%/năm).

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với số tiền 40.000.000 đồng là tiền lãi được tính vào vốn gốc.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Trần Thị Thúy L chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Buộc nguyên đơn bà Lê Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được Thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thúy L và ông Nguyễn Văn D, địa chỉ ấp Cái M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh trả số tiền vay 130.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt trực tiếp nhiều lần đến nhà để tống đạt văn bản tố tụng cho bà L và ông D. Phía ông D không đồng ý nhận văn bản của Tòa án, phía bà L đã nhận được nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà L và ông D vẫn vắng mặt không có lý do và đây là phiên tòa lần thứ hai bà L và ông D vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Thúy L và ông Nguyễn Văn D.

[3]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu bà L trả số tiền 130.000.000 đồng. Về phần tiền lãi yêu cầu bà L trả lãi cho đối với số tiền vốn gốc 90.000.000 đồng từ ngày 19/11/2018 đến khi kết thúc vụ án theo mức lãi suất là 1.66%/tháng. Nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay, qua nhiều lần thẩm vấn bà T yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn gốc 90.000.000 đồng từ ngày 17/3/2021 đến khi kết thúc vụ án theo mức lãi suất là 1.66%/tháng.

Phía bị đơn bà L không chấp hành theo giấy mời, giấy triệu tập của Tòa án và cũng không gửi tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu gì để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà xem như bà từ bỏ quyền để chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và Tòa án tiến hành thu thập để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào tờ biên nhận ngày 19/11/2018 có nội dung bắt đầu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" và kết thúc bằng "Dững" do bà T cung cấp, thể hiện người cho vay là bà Lê Thị T, người nhận tiền vay là bà Trần Thị Thúy L, số tiền vay 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày số tiền vốn gốc mà bà cho bà L vay chỉ có 90.000.000 đồng, đối với số tiền 40.000.000 đồng là tiền lãi như đã trình bày ở phần nội dung vụ án. Phía bà L, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2021 cho rằng, bà có vay và còn nợ bà T số tiền 60.000.000 đồng. Đồng thời, bà L không thừa nhận có ký biên nhận nợ bà Thi số tiền 130.000.000 đồng. Do đó, bà L có nghĩa vụ chứng minh cho Hội đồng xét xử thấy được lời trình bày của bà là có căn cứ, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bà L không đến Tòa án để tham gia hòa giải và cũng không liên lạc với bà T để thỏa thuận về khoản tiền đã vay, từ đó cho thấy ý thức trách nhiệm của bà L đối với khoản vay này là không có. Vì vậy, có cơ sở để khẳng định lời trình bày và yêu cầu của bà T là có căn cứ.

Xét số tiền 40.000.000 đồng mà bà T cho rằng đây là tiền lãi do bà L không đóng lãi nên hai bên thỏa thuận cộng thêm vào số tiền vốn gốc. Nhận thấy, việc thỏa thuận này của hai bên là trái quy định của pháp luật. Bởi, bà T cho bà L vay với mức lãi 10.000.000 đồng mỗi tháng phải đóng tiền lãi 800.000 đồng, quy ra mức lãi suất là 8%/tháng, tức là 96%/năm vượt quá quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét chấp nhận cho bà T mức lãi 20%/năm, đối với số tiền vốn gốc là 90.000.000 đồng, từ thời gian bà L ngừng đóng lãi cho bà T

đến ngày xét xử. Nhưng tại phiên tòa, qua nhiều lần thẩm vấn, bà T khẳng định bà yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện, tức là ngày 17/3/2021, đối với khoản thời gian từ ngày 17/3/2021 trở về trước bà T không yêu cầu. Nhận thấy, việc bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 17/3/2021 cho đến ngày xét xử là 290 ngày, tương đương 90.000.000 đồng x 20% x 290/365 ngày = 14.301.369 đồng là có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ và được chấp nhận một phần.

Nhận thấy, việc bà T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn D. Đồng thời, bà L không yêu cầu ông D cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: Bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Bà Lê Thị T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 nằm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thi.

1. Buộc bà Trần Thị Thúy L trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn gốc 90.000.000 (*Chín mươi triệu*) đồng và 14.301.369 (*Mười bốn triệu ba trăm lẻ một nghìn ba trăm sáu mươi chín*) đồng. Tổng số tiền 104.301.369 (*Một trăm lẻ bốn triệu ba trăm lẻ một nghìn ba trăm sáu mươi chín*) đồng.

2. Thời gian trả: được thực hiện trong giai đoạn Thi hành án.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 40.000.000 đồng là tiền lãi được cộng vào vốn gốc.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Nguyễn Văn D.

6. Về án phí: Buộc bà Lê Thị T phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 4.544.800(*Bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm*) đồng theo biên lai thu số 0003869 ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 2.544.800 (*Hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm)* đồng.

Buộc bà Trần Thị Thúy L phải chịu 5.215.068 (*Năm triệu hai trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

8. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Linh